

# CÙ LẠI DZÍ

Dạ thưa các bác, đêm nay thì bố cháu là cụ Cù Lại Dзі chết thật rồi. Mấy hôm trước thì lúc mê, lúc tỉnh. Lúc bố cháu mê mà miệng cụ vẫn mơ hồ làm nhảm, cháu nghe tiếng được tiếng không. Hình như bố cháu đang nhắc đến các bạn thân của bố cháu ngày xưa thời còn đi học.

Những cái tên thân yêu ấy, lúc còn khỏe, bố cháu thường kể cho cháu nghe vì sao lại có sước danh đi kèm. Và bố cháu thường cười sáng khoái, cười tươi hơn cả những lần bố cháu đập xích lô ngày Tết được khách hào phóng thưởng cho vài đồng lì xì. Dạ thưa các bác, ở thập niên cuối 70 sang 80 còn chế độ tem phiếu thì đồng tiền còn giá trị lắm. Bố cháu có thể mua được nửa cân thịt lợn về xào nấu để sau khi cúng tổ tiên rồi, hai bố con bồi dưỡng sức khỏe để ra Tết tiếp tục đập... Nhưng hôm nay, cái Tết còn xa quá mà bố cháu đã bỏ “căn nhà cầu thang” này đi về với mẹ cháu rồi.

Dạ thưa các bác, mới hôm qua, bố cháu ngồi dậy được, cụ còn lấy tay xoa xoa chòm râu và bảo cháu:

- Thích ạ, hôm nay bố thấy đói con ạ, con đem cái tô ra quán chị Ba mua cho bố, mà mua ít thôi, nửa tô thôi con, nhớ là cháo trắng nghe con. Cháo nước lèo ăn “tanh miệng” lắm !?

Thấy bố cháu nằm dài mấy ngày chẳng ăn uống gì. Nay bỗng nhiên ngồi dậy đòi ăn, cháu mừng quá, vội đem tô đi ngay và lúc ấy cháu cảm thấy thương bố cháu quá. Cháu hy vọng tô cháo lòng dù chỉ là mớ lòng heo lòng thông luộc lên cũng có hơi hương của chất thịt mà có hơi thịt chắc bố cháu chóng khỏi. Cháu chỉ nghe người ta nói vậy nên tin vậy. Cả ngày, cả tháng, cả năm cứ đi làm về, cơm nước xong đã 10 giờ tối là hai bố con mỗi người một chiếu chờ 4 giờ sáng lại khép cửa ra đi. Báo bố có bao giờ được đọc, coi như cháu chẳng biết gì về cách bồi bổ cho người bệnh như bố cháu. Trong óc cháu lúc ấy chỉ có hai tiếng “cháo lòng”, thế là cháu mua cho bố cháu và thêm mấy miếng phèo mà chị Ba thái rất khéo tay, nó mỏng như lưỡi mèò các bác ạ.

Bố cháu nhìn tô cháo rồi ngược lên nhìn cháu. Mắt bố cháu hôm nay rất sáng, không đục lờ như trước nhưng thoáng nét buồn. Cháu bảo bố cháu đưa chiếc tráp mà bố cháu thường làm gói kê đầu ra cho cháu để tô cháo lên, nhưng bố cháu xua tay và bảo cháu cứ để xuống đất, rồi bảo cháu:

- Con vào lấy cho bố cái chén. Ăn làm sao hết, còn lại để cho thằng cu Thôi nó ăn. Con mẹ nó bố coi da dẻ xanh xao, chắc không đủ sữa cho con bú. Thôi thì có dịp nào bồi dưỡng được cho vợ con thì nên dành cho nó để lấy sữa cho thằng cu con ạ.

Rồi bố cháu vừa múc cháo ăn, vừa bảo cháu:

- Lúc nãy con bảo lấy cái tráp ra kê đồ ăn là không được, mà con đã biết cái tráp ấy bên trong đựng cái gì rồi. Đây là gia phả của dòng họ Cù nhà ta. Xưa kia thời ông nội của con, cái tráp này sơn màu cánh gián, trên nóc tráp có vẽ phù điêu lưỡng long châu nguyệt và nơi để cái tráp này là sau bát nhang trên án thư bàn thờ tổ nhà ta. Giờ vật đổi sao rời, chung quanh chỗ bố con mình ở chỉ là một cái gầm cầu thang nên chẳng có chỗ nào trang trọng mà để, nên bố phải miễn cưỡng làm gói kê đầu. Chấp kinh thì phải tòng quyền con ạ, miễn là

làm sao tổ tiên luôn ở trên đầu và ta vẫn giữ được tấm lòng trong sạch như ông cha ta đã dạy...

Bố cháu mãi dạy cháu nên để chén cháo nguội ngắt. Cháu vội bảo:

- Dạ con biết, bố đã kể về gia phả dòng họ Cù nhà mình nhiều lần, con thấy như truyện Phong Thần..

Bố cháu vừa bung chén cháo lên đã vội để xuống:

- Ủ, thì cái dòng họ Cù nhà ta, kể từ đời thứ nhất cho đến đời thứ sáu, các cụ liệt tổ liệt tôn dấu tích mờ mịt vì không có người ghi chép, lại thêm ở một thời xa quá, cách nay cũng ngót hai trăm năm. Thượng tổ thượng tôn lại có người chống đối triều đình, nên phải thay tên đổi họ, trôi dạt nơi này, nơi khác để thoát vòng truy bức của triều đình...

Nói tới đây bố cháu xoay lưng lại, sờ tay lên nóc tráp rồi quay lại bảo cháu:

- Con nhớ là nếu bố có chết đi thì con sẽ “nói ngói” trưởng tộc dòng thứ họ Cù nhà ta và phải giữ cái tráp này như một gia bảo. “Chim có tổ, người có tông con ạ”...

Thấy bố cháu mới ăn được vài muống cháo đã ngưng, cháu vội cắt ngang và bung chén lên mời bố ăn tiếp, nhưng bố cháu xua tay bảo:

- Bố ăn thế đủ rồi. Ăn để khỏi làm ma đói thôi con. Đem chỗ thừa này cho con Cún của bác Tư bên cạnh cho nó ăn. Đùng đồ đi tội với trời đất.

Dạ thưa các bác,

Kể từ ngày bố con cháu dọn về ở cái chân cầu thang lô D chung cư Áo Ảnh này thì chỉ có nhà bác Tư sát ngay nhà cháu, ông là người Việt gốc Hoa, kể đã mấy đời, nghe đâu cụ tổ nhà ông cũng nằm trong tổ chức “Phục Minh phản Thanh” rồi thất bại và phải chạy sang vùng Hà Tiên gì đó. Những buổi chiều đạp xe về sớm, bố cháu và ông Tư hàng xóm thường ra ngồi dựa lưng vào bức tường mặt tiền nhà ông nói chuyện với nhau. Hai cụ đều cởi trần tròng trọc. Thời buổi này trên dưới chẳng cần phân biệt, vài vóc quần áo đều được phân phối tiêu chuẩn như nhau, nên tấm áo, manh quần may mới chỉ được dùng đến chỗ cưới xin, ma chay của người thân hay quen biết ....

Chén cháo bố cháu ăn dở dang, bắt cháu đem cho con cún là vừa dùng phí của trời vừa thể hiện chỗ thân tình với nhà hàng xóm là thế các bác ạ.

Nhưng vừa ngả lưng nằm xuống, bố cháu lại gọi bảo cháu:

- Này con, lấy cho bố cái khăn mặt ướt để bố lau người một chút. Bố thấy khỏe mà sao da thịt nóng quá.

Cháu lau mặt rồi lau hết mình mẩy cho bố cháu. Vừa định lấy cái áo nhà binh còn tương đối mới để thay thì bố cháu gạt đi, bảo:

- Thời này vải vóc, quần áo khan hiếm, để đấy... mà xài, mà này nếu chẳng may bố mày có về với các cụ thì cứ thế này “mà đi” nghe con”. Mày đạp xe 3 bánh, đừng quần chóng sờn lắm ... con ạ.

Thế rồi thưa các bác,

Bố cháu nằm xuống, gác tay lên trán. Sau tiếng thở dài, bố cháu nhắm mắt như tìm giấc ngủ. Cháu kéo tấm liếp che cửa xuống và cháu chợt thấy ông Tư hàng xóm bước qua. Với giọng thì thầm hỏi cháu:

- Ông cụ đòi ăn, chắc khỏe dần rồi chứ ?

- Dạ cũng chỉ vài muỗng là thôi bác ạ. Ăn xong bố cháu còn đòi lau mình, lau mặt cho mát....

Vừa nói tới đây, cháu thấy ông Tư kéo cháu về phía cửa sổ nhà ông và giọng thì thầm:

- Tôi nói thế này không biết có đúng không, người ta thường bảo: “Người bệnh mà tự dung khỏe lại đòi ăn, nói nhiều như lúc chưa bệnh là tình trạng người sắp mất hồi dương”. Rồi ông lại thêm câu gì đó ở sách Đại học hay Trung dung, lâu quá ông không nhớ rõ, có viết: “Con chim sắp chết kêu tiếng bi thương, người sắp chết nói lời chân thật”.

Tình trạng của cụ nhà mà đúng như thế thì phải chuẩn bị hậu sự cho cụ thôi !

Nghe ông Tư nói vậy, cháu thấy lạnh toát cả sống lưng.

Có lẽ hiểu tâm trạng của cháu, ông Tư kéo cháu cùng ông ngồi dựa vào tường thì thầm:

- Ấy là lo xa thế thôi. Tình cảnh nhà anh cũng có khác gì bà Sáu cư ngụ tại chân cầu thang lô A đâu. Khi bà ấy chết, nghe đâu ông chồng làm đơn ra phường xin chứng nhận hoàn cảnh rồi đưa nộp nhà hòm quốc doanh được giảm tới năm sáu chục

phần trăm. Thời nay phần lớn hòm quốc doanh đều làm bằng gỗ cao su, vừa rẻ lại vừa cháy nhanh, củi đốt lò cũng đều là các gốc cây cao su người ta chẻ ra cả. Chủ lò và lò thiêu người ta đã tính toán với nhau rồi, như hòm lớn thì bao nhiêu thước củi, hòm nhỏ thì bao nhiêu. Còn các hòm gỗ tốt như mít, xoài, vàng tâm gì đó là những hòm loại gỗ lâu cháy thì số thước củi phải nhiều hơn. Các anh nhà lò nó tính nhanh hơn điện và tang chủ chi biết chi. Tôi nghĩ chắc không tốn phí bao nhiêu. Phải lo liệu trước anh ạ. Đừng để nước đến chân mới nhảy. Lại còn thằng cu Thôi nữa, nếu chẳng may cụ mất thì cứ đưa sang nhà tôi trông cho. Cái gằm cầu thang nhà anh bé bằng bàn tay, khí lạnh người chết cứ âm u luẩn quẩn bên trong, độc lắm.

Nói xong, ông Tư vỗ vai cháu bảo:

- Thôi về xem ông cụ thế nào, có cần gì thì cứ sang gọi tôi.

Thưa các bác,

Ông Tư hàng xóm về rồi mà cháu đứng dậy không nổi. Hai bàn chân cháu tưởng như có xi măng cốt sắt chôn cứng lại rồi. Nhưng lúc nghe thấy thằng cu nhà cháu khóc vọng ra, cháu đứng



lên được ngay, tiếng khóc của nó như có phép màu để cháu chạy vào ngay xem bố cháu ra sao. Mọi khi chỉ một tiếng khóc quấy rầy đòi bú của nó là bố cháu đã tỉnh và nói vọng vào:

- Thằng cu đòi ăn hay sao mà khóc vậy ? Nhưng bây giờ hình như bố cháu ngủ say, mắt nhắm nghiền, hai tay để ngay gần trên bụng.

Hôm nay bố cháu bỏ cả bữa cơm chiều. Vợ cháu như có linh tính chuyện chẳng lành, giục cháu ra đánh thức bố cháu. Ai ngờ bố cháu đã mất rồi. Cháu sờ người bố cháu thấy còn hơi ấm. Có lẽ thời khắc bố cháu ra đi chỉ mới khoảng bây giờ...



Mười năm sau, vào một buổi chiều giáp Tết Bính Thân, có hai ông già đầu tóc bạc phơ: một tướng tá cao lớn giống lính tàu bay, một bụng mập hơn cả chiều cao bước thấp bước cao như là điện giật, lưng thưng đi vào chung cư Áo Ảnh. Họ hỏi thăm lô D và đến đúng gầm cầu thang, nơi xưa kia Cù Lại Dзі đã cư ngụ, nay đã sang chủ khác. Hỏi thăm chung quanh thì phần lớn nơi này là những gia đình mới đến. Chuyện 10 năm trước xảy ra nơi đây họ không biết, cũng may vừa lúc đó ông cụ Tu

– người Việt gốc Hoa đang chống gậy đi về nghe chuyện hỏi thăm về Cù Lại Dзі. Về mặt cụ Tư với đôi mắt đã lèm nhèm chợt sáng lên như sống lại kỷ niệm với ông hàng xóm ở gầm cầu thang sát nhà ông ngót hai mươi năm. Rồi ông cụ chậm rãi kể:

- Tôi nghiệp cụ Dзі hiền lành quá, ở chẳng mất lòng ai, cứ ngày đập xích lô, tối mò mới về, ngày cưới vợ cho anh cụ Thích, tôi đứng làm chủ hôn cho cháu ... năm sau vợ nó đẻ được thằng con trai, ông cụ đặt tên cho cháu là Cù Lại Thôi. Khi ông cụ mất, họ hàng chắc cũng phiêu bạt đâu hết, nên chỉ có 3 chiếc khăn tang đưa ra lò thiêu. Vài tháng sau thì vợ chồng con cái cụ Thích, nghe đâu về ở bến xe miền Tây



Theo tộc phả họ Cù mà Cù Lại Dзі cất kỹ trong chiếc tráp thì quê hương bản quán ở huyện Thái Thụy nằm giáp biển. Cửa sông Trà Lý, ở giữa huyện này và huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Xưa kia tỉnh này đất rộng, người đông, phát triển về nông nghiệp. Nơi đây có thể coi như vừa lúa của đồng bằng miền Bắc sánh được với vừa lúa miền Tây Nam bộ. Cũng theo tộc phả ấy, đời thứ 10 ghi

tỉnh này có 4 phủ là phủ Kiến Xương, Tiền Hải, Thụy Anh, Thái Ninh và 9 huyện là Vũ Thư, Vũ Tiên, Thư Trì, Đông Hưng, Đông Quan, Tiên Hưng, Phù Dực, Quỳnh Côi và Thái Thụy.

Ngoài nghề nông, họ còn trồng dâu, nuôi tằm. Một số cư dân ở các huyện gần sông, gần biển theo nghề đánh cá. Họ “ăn sóng nói gió”, can trường trên biển khơi. Có lẽ tổ tiên xưa cũng đã là những đoàn quân tinh nhuệ của Đức Hưng Đạo Đại vương trong các trận thủy chiến với quân xâm lược Nguyên Mông.

Trải qua bao đời, phổ xá dọc ngang lại mọc đầy nơi phủ, huyện. Cảnh buôn bán thổ sản miền xuôi miền ngược đổ về, người giàu có từ thị thành đến thôn ỏ không phải là ít. Nhưng rồi nhiều cuộc bễ dâu như nạn đói Ất Dậu 1945, dân Thái Bình có đến 20 vạn người chết trên 2 triệu người miền Bắc thời đó. Người ta kể có bà ôm trăm cây vàng không có hạt gạo, củ khoai mà ăn nên cũng chết theo như bao người khác trong làng. Tính ra chết nhiều nhất là xã Tây Lương, Sơn Thọ, Thụy Anh, Thanh Nê (phủ Kiến Xương) và huyện Tiền Hải (sau đổi là phủ Tiền Hải) chết không còn một người nào. Những người sống sót còn đi được thì kéo nhau

lang thang qua các tỉnh Nam Định, Hà Nội, Hải Phòng, nhưng dân ở nơi họ đến cũng trong tình cảnh tang thương như thế. Hà Nội là nơi các xe vệ sinh đi hốt xác người chết, chết vật vã ở góc cây, lề đường, có khi ngay ở các cửa nhà phố, từ sáng đến tối chưa hết.

Dòng họ Cù và dòng họ Lại ở Kiến Xương là hai dòng họ lớn cũng chỉ còn đủ ăn, vượt qua nạn đói. Mặc dù thời Pháp đô hộ, họ Lại có người đã làm tới chức Tri phủ Tiền Hải nhưng lúc hưu quan về vui thú điền viên cũng chẳng lấy gì làm giàu có. Gia phả họ Lại còn ghi tổ tiên xưa là học trò cụ Doãn Khuê, người huyện Thư Trì thi đậu Tiến sĩ năm 1838 đời Minh Mạng khoa Mậu Tuất làm quan tới chức Quang Lộc tự Khanh Sung Doanh điền sứ Nam Định.

Trái lại, gia phả họ Cù lại như đám mây mù ở các đời thượng tổ, thượng tôn từ đời thứ nhất đến đời thứ 7. Họ Cù xưa vốn là họ Trần sống vừa làm nông, vừa đánh bắt hải sản. Có thể coi là nhà hào phú của huyện Thái Thụy. Đến đời thứ 7, dòng chính của họ Trần có người con trưởng là Trần Vô Vọng theo Phan Bá Vành làm chức Chương quan, thế rất lớn, theo cửa sông Trà Lý tiến chiếm các

huyện Giao Thủy, Hải Hậu, Xuân Trường, Trực Ninh, Nghĩa Hưng, Nam Trực... lấy được Nam Định, Phan Bá Vành từ địa bàn cơ sở này đánh chiếm Thái Bình, chiếm phủ Trà Lý, Tiền Hải, giết quan Thủ ngự và Nguyễn Trung Diễn phủ Kiến Xương, Thiên Trường. Vành lại tung quân ra chiếm Hưng Yên và các vùng lân cận. Triều đình nhà Nguyễn thấy cuộc khởi nghĩa của Vành quá lớn, sai quan quân đi đánh dẹp đều bị thua. Đến đời Minh Mệnh thứ 7 sai quan Tham biện Thanh Hóa là Nguyễn Công Trứ cùng Tham biện Nghệ An đem quân Thanh Nghệ ra, mãi mới vây bắt được Vành và hơn 765 đồ đảng. Chương quan của Phan Bá Vành và một số tàn quân may chạy thoát.

Những bà con, họ hàng, dòng tộc Trần Vô Vọng đều bỏ làng bỏ xứ, thay tên, đổi họ trốn đi tứ xứ. Điền thổ, gia trang nhà họ Trần ở Thái Thụy chẳng khác gì cảnh đói năm Ất Dậu 45 sau này, nghĩa là bị san bằng thành nghĩa địa.

Riêng cụ Trần Vô Vọng cùng một vài đám thủ hạ chạy lên mạn ngược, sống lẫn lộn cùng người dân tộc làm nghề sơn tràng, che dấu vết tích. Vài năm sau cụ lấy con gái một người họ Cù sinh được 4 con trai. Tất cả những người con này theo chế độ

mẫu hệ nên đều mang họ Cù. Như vậy, gia phả nhà họ Trần ở Thái Thụy đời thứ 8 đã chuyển thành họ Cù. Sau này có người trong họ thắc mắc: không biết ông tổ đời thứ 7 có phải đã kết duyên cùng cháu chất, chút chút gì của bà Cù Thị, người đã thông đồng cùng Triệu Ai Vương nghe lời sứ giả nhà Hán để làm phiên quốc của nhà Hán không. Và lúc đó nếu không có Tể tướng Lữ Gia kịp ra tay giết Ai Vương và Cù Thị thì giống nòi Lạc Việt chắc không còn. Đám mây mù vây quanh cụ tổ Trần Vô Vọng như một huyền sử. Nhất là khi người trong huyện Thái Thụy đồn rằng:

Một sớm mùa đông, gần giáp Tết năm Tự Đức thứ 4 (1852) có một chiếc thuyền độc mộc vào cửa sông Trà Lý. Thuyền ghé vào phủ Tiền Hải, hỏi thăm rồi tạt vào đậu ở huyện Thái Thụy. Trên thuyền bỗng thấy một người trung niên cao lớn, y phục miên sơn cước, theo sau một đám thủ hạ cỡ chục người. Họ đi từ tốn vào làng và hỏi thăm nhà cửa đất đai của cụ Trần Vô Vọng ngày xưa. Hầu như không ai biết tên và họ chỉ biết ông cha của họ đã ở trên mảnh đất này đã lâu. Giờ đã là đời thứ ba. Họ là dân tứ xứ phân đông lấy sông nước làm nhà. Nghề của họ đứng thứ nhì trong câu “Thứ nhất phá

son lâm, thứ nhì đâm hà bá”. Nay gặp nơi đất bỏ không, sát sông sát biển nên gầy dựng thành nơi trú chân. Trước việc đi tìm quê cũ theo di chúc của gia phả mà cụ Trần Vô Vọng để lại, người con lớn của cụ là Cù Đại Viễn nhớ lời của cha viết: Ta bỏ quê đã ngót 40 năm, nay cảm thấy con người như chim có tổ, người có tông, vậy con nên về xem họ hàng còn hay mất. Giờ vát vả mấy ngày đường tới được chôn quê xưa mà thăm hỏi đất đai, nhà cũ thì không ai biết cả. Cù Đại Viễn kéo đám thủ hạ ra ngồi nghỉ dưới gốc đa trên bờ đê, có con đường thoai dốc xuống tận bãi sông. Thuyền bè đậu như bát úp, ông úp chiếc nón mê, dựa lưng vào gốc cây mơ màng trong giấc mộng có hương.



Đoạn tiếp trong gia phả họ Cù lại được ghi bằng văn tự Tày, Nùng gì đó mà sau này được chuyển sang chữ nôm và cuối cùng là tiếng Việt ở đời thứ 10. Về câu chuyện Tri huyện Tiên Du là Từ Thức nhập “động tiên”.

Đại khái quan Tri huyện này tính tình phóng khoáng, thích uống rượu, ngâm thơ, rong chơi miền hoa thơm, cỏ lạ nên thường bỏ bê việc quan,

trường. Lắm phen bị quan trên quở mắng nên trả  
án từ quan.

“Vào tháng hai năm Đinh Ty (1896) nhân du  
xuân, thấy một cô gái khoảng 15, 16 tuổi, mặt hoa,  
da phấn tươi dòn. Cô đến xem “Hội hoa xuân”  
chẳng may lỡ vịn tay làm gãy một cành mẫu đơn, bị  
bắt phạt. Thấy việc, Từ Thức bèn cởi áo cảm bào,  
nộp tiền phạt thay để cô gái được đi. Ai cũng khen  
quan huyện nhân đức.

“Một hôm dậy sớm, trông ra cửa Thần phù,  
cách vài mươi dặm, có khí mây năm vẻ, đẹp như  
thơ. Từ Thức thuê đò ra tới đó thấy núi non, hang  
động phủ dưới làn mây xanh biếc, cao ước nghìn  
trượng, bèn bỏ thuyền rồi leo lên, lần theo hang  
động mà vào, thấy cung điện nguy nga, trên cửa  
lớn ra vào đề “Quỳnh Hư Chi điện, Giao Quang Chi  
các”.

Đang thần thờ, bỡ ngỡ, họ Từ thấy hai nữ tiểu  
đồng mặc áo xanh, tóc kết nơ hồng ra dẫn vào. Đến  
nơi Từ Thức thấy một bà Tiên ngồi trên giường thất  
bảo, cạnh là hai đôi kỳ đàn hương.

“Bà Tiên bảo Từ Thức ngồi và hỏi: - Người có  
biết nơi đây là đâu không ? Đó là hang thứ 6 trong



36 động núi Phi Lai. Núi này đi khắp các mặt biển, chân không bén đất, chỉ theo chiều gió mà hợp tan thôi. Ta là địa tiên núi Nam Nhạc, gọi là Ngụy phu nhân. Vì thấy ngươi là người cao nghĩa, không lụy chốn phàm trần. Lại giúp con gái ta là Giáng Hương, chỉ vì lỡ gãy một cánh hoa mà suýt bị vòng lao lý của bọn phàm phu tục tử. Vì cái hàm ân ấy, ta cho em nó kết duyên với người để tạ lòng nhân hậu của người.

“Lập tức đêm hôm ấy, truyền sai đốt đèn mỡ phụng, trái chiếu vẩy rồng, cho làm lễ thành hôn.

Từ Thức ở lại núi Nam Nhạc được một năm, lòng bỗng nhớ quê bèn nói với Giáng Hương:

- Tôi vốn đi chơi xa đã lâu, khó nén được bụng trần. Nay xin cho tôi về thăm nhà một chút.

Giáng Hương bèn nói với phu nhân. Phu nhân bảo:

- Không ngờ gã ấy còn vương vấn trong đám bụi hồng.

Bèn sai cho một cỗ xe Cẩm Vân mà về.

“Từ Thức ngồi trên xe chớp mắt đã về tới quê xưa. Nhưng phong cảnh đã khác. Nhân dân thành quách cũng chẳng còn như cũ.

Hỏi thăm một cụ già trong làng thì được trả lời rằng: “Tôi từ lúc còn nhỏ, có nghe cụ Tổ ba đời nhà tôi, cũng tên như thế, sa vào hang núi đã hơn 80 năm rồi”.

Từ Thức ra xe, buồn rầu muốn trở lại chốn non tiên, nhưng xe đã hóa chim loan bay đi mất rồi...”.

Có lẽ đây là đoạn cụ tổ đời thứ 8 họ Cù là Cù Đại Viễn ghi lại trong cảnh tìm về quê cũ Thái Thụy giống như tâm trạng của Từ Thức ngày xưa.



Vẫn ở đời thứ 8, gia phả do Cù Đại Viễn ghi, vừa chớp mắt dưới làn gió từ sông Trà Lý thổi lên thì có một cụ già trong xóm đến ngồi bên. Vuốt chòm râu trắng bạc, hỏi rằng:

- Chắc quý ông từ miền ngược về đây mua hải sản quê tôi?

Cù Đại Viễn thật thà trả lời:

- Dạ thưa cụ, chúng tôi là con cháu nguồn gốc tổ tiên ở vùng này. Cha ông xưa vì lâm nạn nên phải lánh đi xa. Tính đến nay cũng đã ngót ba mươi năm kể từ đời Minh Mệnh thứ 7 đến giờ.

- Ấy cụ Tổ tôi xưa có kể rằng thời kỳ ấy vì cái nạn giặc Vành mà những người mang họ Trần ở cái huyện này bị bắt và giết nhiều lắm.

Rồi cụ chỉ xuống dòng sông trước mặt kể tiếp:

- Quan quân nhà Nguyễn giết những người bị bắt đem chém rồi quăng xuống sông. Nhiều đến nỗi dòng nước không chảy được. Xác chết đùn đầy như một cái đập, dâng tràn nước đỏ tươi lên cả bờ....

Cù Đại Viễn đã nghe kể lại cuộc chiến kinh thiên động địa này mà cha ông đã may mắn thoát thân. Sợ lộ thân thế với cụ già có nguồn gốc ở đây đã từ lâu, Cù Đại Viễn chỉ thổ lộ là những người thân đã đi đâu không rõ, chẳng còn một ai ở chốn này. Trên vùng ngược làm ăn khó khăn nên muốn về đây nhờ họ hàng giúp đỡ công ăn việc làm, bây giờ giặc giã lung tung...

Ông chưa nói hết lời thì cụ già đã ngắt lời ông, hạ giọng bảo:

- Nơi đây đất rộng người thưa, ngay phía trong đê này cũng đều là dân ngụ cư cả ông ạ. Một dải đất nếu lấy gốc đa này làm mốc thì bề ngang, bề dọc dài có tới trăm cây số ấy chứ. Thế mà không có một nóc nhà. Và cả cái bãi sông kia, phẳng phiu, đẹp đẽ là thế mà thuyền bè chỉ đậu chen chúc ở phía đông bắc này. Tại sao vậy, ông có biết không ?

- Dạ, xin cụ chi giáo.

- Ấy, dải đất đó ngót 30 năm xưa là nơi trú quân của giặc Vĩnh. Khi vua Minh Mệnh, Nguyễn Triều ta đánh tan được giặc này thì Uy Viễn tướng quân đã lấy nơi này giam giữ bọn chúng, nghe đâu nhiều lắm. Nhà vua ra lệnh “trảm” hết, không tha một người nào để thị uy những ai manh nha phản nghịch, cụ tổ tôi kể lại, như tôi đã nói với ông lúc nãy. Rằng cái bãi cát bồi đẹp đẽ kia, chính là chốn pháp trường, nghìn đầu rơi rụng ... và oán khí chẳng tiêu tan nên những đêm trăng mờ nhạt, gió sông thổi hơi lạnh bay lên là người ngụ dưới nẻo sông lại nghe thấy những tiếng hú kêu thương. Ngồi ngóp bên bờ đi về phía đất cao lại có từng tốp người, kẻ mất đầu, người chi còn đôi chân dật dểu nhau trong ánh lửa xanh lúc còn lúc mất....

Dân huyện Tiền Hải bên kia có người định nói lập miếu thờ để xuân thu nhị kỳ cúng bái cho oan hồn siêu thoát, nhưng không dám nói ra sợ mang họa vào mình.

Vài năm sau, trên mảnh đất chạy ngút ngàn của phủ Thái Thụy (trước kia là huyện) có những hòn ma vát vương đi về, theo như lời kể của dân làng nay đã là những dãy nhà ngang dọc chạy ra sát chân đê. Và dưới cái “bãi máu” hơn 50 năm xưa đã trở thành ngôi chợ buôn bán sầm uất. Tất cả đều là cơ ngơi của cụ Cù Đại Viễn.

Nhưng đến đời Tự Đức thứ 4, giặc giã ở miền Bắc nổi lên khắp nơi. Lại thêm thiên tai, lụt lội, đê ở Văn Giang, ở Hưng Yên vỡ suốt 18 năm trời. Dân gian đói khổ, nghề nghiệp không có, cho nên người theo đi làm giặc càng ngày càng đông. Gia sản nhà họ Cù cũng tan theo bọt sông Trà Lý. Mãi đến đời thứ 9, người con trưởng của Cù Đại Viễn là Cù Đại Thiên mới dần dần khôi phục lại được một phần nào gia sản. Năm Mậu Tí (1888) tức là năm Thành Thái Nguyên niên hầu hết các tỉnh thành ở xứ Bắc đã trở thành đất bảo hộ của Pháp. Mặc dù các quan lại vẫn do triều đình Huế bổ nhiệm nhưng đều phải nằm dưới quyền điều khiển và kiểm soát của người

Pháp. Một nền hành chánh nửa nạc nửa mỡ. Quan trường vẫn phải đi lên bằng con đường khoa cử đã có từ ngàn năm. Cù Đại Thiên vẫn áp ủ có một trong những người con phải thoát cảnh “chân lấm tay bùn”.

Nghe tin Tiến sĩ Phạm Huy Du đậu khoa Tân Mão (1891) Thành Thái thứ 3 làm Tri phủ Kiến Xương, cáo quan về mở trường dạy học, Cù Đại Thiên bèn sai người nhà đội một thúng gạo nếp và con gà trống thiến dắt theo đũa con độc đinh là Cù Đại Sâm đến xin thọ giáo. Trái bao năm đèn sách, bao công lao giảng dạy của thầy, và rồi khi lều chõng đã giăng xong, đem vàng mã ra trước lều, kính cẩn khấn vái theo lời rao của người lính lệ âm vang 4 vi trong màn sương mù còn dày đặc... “*Báo oán giả tiên nhập. Báo ân giả thứ nhập, Sĩ tử thứ thứ nhập*”. Gió cuối thu đã nhuốm lạnh đầu đông. Hắt hiu những tờ giấy tiền, giấy bạc cháy dở dang. Cửa lều nào cũng lập lòe ánh lửa như ma trời. Mùi khói bốc lên khen khét, gậy gậy như mùi xương cốt chưa tan của các oan hồn đang sục sạo tìm người báo oán.

Năm ấy Cù Đại Sâm mới thi kỳ đệ nhất đã hồng, đó là khoa thi năm Quý Mão (1903) Thành

Thái thứ 15. Riêng người bạn đồng môn họ Lại ở Thụy Anh đậu cử nhân và sau được bổ Tri phủ ở Tiền Hải.

Ba năm sau, năm Thành Thái thứ 18 khoa Bính Ngọ (1906) khoa thi mở, tại trường thi Hà Nam, Cù Đại Sâm mới đậu tú tài cùng Phạm Tự Trực, người Hoàng xá, huyện Thư Trì, Thái Bình. Sau làm quan Huấn đạo Thanh Miện.

Khoa thi đó cũng là khoa thi cuối cùng của Cù Đại Sâm. Cù Đại Thiên bảo con: Gia tộc nhà mình còn nhiều oán khí, tốt nhất là đời con, đời cháu sau này phải tu nhân tích đức, con đường hoan lộ xem ra ít nhiều cũng có lúc hoặc gây họa cho mình hoặc gây tai ương cho người khác. Oán lại tiếp oán thì dòng họ Cù chẳng bao giờ góc đầu lên được con ạ.

Sau khi lập gia đình, Cù Đại Sâm xin cha làm một nếp nhà tranh mở trường dạy học. Bầy trẻ trong phủ Thái Thụy và Tiền Hải đến xin học nhai câu “Chi hồ giả dã” cũng làm nguôi dần lòng ông Tú cái ước mơ khoa danh thi cử lắm nỗi truân chuyên. Thịnh thoảng vào những ngày mùa màng, Tết nhất, đám học trò xin nghỉ, phụ công việc đồng áng. Ông Tú lại khăn đóng áo dài, xách ô xuôi

thuyền trên dòng sông Trà Lý sang thăm ông bạn họ Lại, đồng môn dưới mái trường cụ nghệ Phạm Huy Du ngày xưa.

Bên chén trà “mao tiên hồng hạc”, hai người đàm luận việc nước, việc nhà, tưởng như không dứt. Từ phủ quán đồn ra, ai cũng nói họ là đồng môn tri kỷ.



Nhân một lần ông Tú Cù Đại Sâm sang mừng bạn vừa được triều đình phong tước Hồng Lô Tự Khanh thăng Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên, nghĩ rằng mai một, đường xá xa xôi ít có dịp được trò chuyện cùng nhau, ông Tú bèn dốc bầu tâm sự với ông Cử Thụy Anh, lời ông như trầm xuống:

- Từ lâu tôi vẫn bị ám ảnh những hồn ma báo oán. Mặc dù biết rằng ngoài trần địa thì chẳng ai thương tiếc ai. Ai cũng lao vào cái chết để tìm cái sống cho mình.

Cụ Cử vội ngắt lời bạn:

- Ngót trăm năm, oán khí cũng đã tiêu tan, ông Tú không nên để trong lòng mà tinh thần hao tổn.



- Dạ, ông Cử dạy cũng phải, nhưng hiện nay tôi có chỗ khó nghĩ mà không biết nói cùng ai, chỉ biết giải bày cùng ông Cử.

Cụ Cử Thụy Anh chiêu một ngụm trà, nhìn ông Tú với vẻ hiền dịu:

- Đã là chỗ cùng dưới chiếu cụ Nghè, ông Tú cứ cho tôi biết, liệu rồi ta cùng bàn bạc.

- Như cụ Cử đã biết, vợ chồng tôi hiếm muộn. Hiện chỉ có một thằng con năm nay đã 18 tuổi rồi. Chữ thánh hiền thì tôi dạy cháu ở nhà, Tứ thư ngũ kinh, Đại học, Trung dung cũng giảng cho cháu, nhưng bỏ hẳn lối văn bát cổ và bác sử vì chính con đường khoa cử tôi đã kinh qua nay còn sợ. Chỉ cốt dạy cho cháu biết đạo đức làm người, còn chữ Quốc ngữ, chữ Phú-lang-sa học tại trường huyện họ dạy. Kỳ thi vừa qua cháu may mắn đậu được cái bằng “sọc” xem ra thì cũng có thể xin vào cái nghề thầy giáo làng, giáo huyện được rồi, nhưng ông Cử à, cháu nó tính khí lại ngang tàng, muốn đăng vào cái thứ lính “khó đỏ, khó xanh” gì đó của các quan nhà binh bảo hộ....

Nhìn vẻ mặt cụ Cử vẫn chăm chú lắng nghe, ông Tú thở dài nói tiếp:

- Ấy cái mà thằng cháu nhà tôi nói ra ý muốn của nó đã làm tôi thao thức, suy nghĩ ngót tháng trời nay. Tôi e rằng cái huyết thống của cụ tổ nhà tôi lại hoàn bồi vào bản chất thằng “chút chút” của cụ. Bao nhiêu năm che dấu cái tiếng làm giặc tướng đã xong, nay bỗng chốc lại mua thêm cái nhục có con đi lính cho Tây...

Ông Tú ngừng nói, nhồi thuốc vào chiếc điếu ống có cần trúc cong cong, đánh diêm châm lửa, kéo một hơi dài, mùi diêm sinh thơm đậm như mùi thuốc pháo. Cùng lúc ấy cụ Cử nhè nhẹ gõ mấy đầu ngón tay trên mặt bàn cẩm thạch, lời cụ Cử từ tốn bảo ông Tú rằng:

- Điều ông vừa nói, suy ra thì cũng là điều khó xử. Muốn đạt được cái điều ta dự kiến ở thời buổi giao thời này rất khó. Đức Phu tử dạy rằng: “*Quân tử hòa nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hòa*”. Cái mà ông Tú lo mai sau con cháu nghĩ ra chúng nó chẳng có tội tình gì mà chỉ vì vận nước đổi thay, triều đình bất lực, kẻ làm quan tước như tôi vẫn mang nỗi nhục ở trong lòng ông Tú ạ...

Nghe ông Cử nói câu ấy, ông Tú giật mình sợ hãi, vội chấp tay đứng dậy:

- Xin quan Cử bỏ qua....

- Kìa, ông Tú sao làm vậy, mất cả tình thân của chúng ta. Lời ông nói rất chân tình và cũng nhờ ông mà tôi được mở lòng thăm giữ đã lâu. Thôi, ông Tú ngồi xuống và bây giờ cho tôi hỏi cháu nhà đã có gia thất chưa ?

Rồi cụ cười xòa bảo:

- Anh em mình thử lấy kể “Nhi nữ buộc chân anh hùng” xem sao.

- Dạ, hồi cháu nó 15 tuổi cũng có đánh tiếng với con cụ Bát bên Kiến Xương, nhưng sau đó nghe tin người con cụ ấy lên Hà Nội và đã lập gia đình với con một người Hoa buôn bán ở Hàng Buồm.

- Vậy thì bây giờ tôi đứng làm ông mai cho cháu nhé !

- Dạ, bầm thế thì nhà tôi có phúc lớn cụ Cử ạ.

- Chẳng là ông anh họ tôi hiện ở Phù Dục còn một cháu gái thứ ba chưa lấy chồng, nhưng nghe đâu cháu nó đã 20 tuổi rồi.

- Dạ, nếu được ông bên nhà cho thì quý hóa quá. Gái hơn hai, trai hơn một, còn gì đẹp duyên hơn ạ.



Cuối mùa thu năm Đinh Ty, cụ Tú Thái Thụy đã sang chi họ Lại ở Phù Dục cưới vợ cho con là trường nam Cù Đại Dũng. Hậu duệ đời thứ 12 của cụ tổ Trần Vô Vọng. Cùng năm ấy vào đầu tháng 9, Cù Đại Dũng được bổ về dạy tại trường tiểu học Tảo Môn thuộc huyện Nam Xương, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng ông đã xin cha cho ra ở riêng và ông đã lập nghiệp tại đây, sinh hạ được 3 người con trai. Tất cả những người con này đều được ông nội đặt tên và lót chữ Lại. Một là để gắn kết hai họ Cù – Lại. Hai là để nhớ ơn cụ Cử đã cầm chân được đứa con lúc nào cũng muốn đi lính khổ xanh, khổ đỏ cho thỏa chí tang bồng. Mỗi lần đặt tên cho một đứa cháu mới, cụ Tú lại mỉm cười nhớ tới lời cụ Cử Tiên Hải ngày đó đã đùa vui cùng bạn trong câu: *“Nhi nữ trường tình, anh hùng đoản mệnh”*, mà chỉ lấy bốn từ “Nhi nữ” buộc chân “Anh hùng” không ngờ lại thành sự thật.

Năm Ất Dậu 1945 vừa thoát nạn đói, lại sôi sục chiến tranh thế giới 1939-1945 lan sang, bom đạn cày nát thị thành châu huyện. Cù Đại Dũng cùng vợ con chạy về Thái Thụy ở cùng cha. Năm 1947, hai người con lớn của ông bỏ gia đình ra đi

không ai biết. Kẻ đồn là đi theo Tây, người cho là theo Nhật. Lòng cụ Tú rối bời như nồi canh hẹ. Nổi âm ảnh tiếng loa xua ở trường thi khoa Quý Mão: “*Báo oán giả tiên nhập, Báo ân giả thứ nhập, Sĩ tử thứ thứ nhập*” lại bùng lên rên rỉ trong đầu. Đôi lúc trong nhà chỉ còn có hai cha con, cụ Tú lại than thở:

- Không biết cái ân oán truyền kiếp này còn đến bao giờ ?

Ba năm sau cụ Tú Thái Thụy mất.

Năm Giáp Ngọ (1954) nước Văn Lang chia làm hai nước. Ông giáo Cù Đại Dũng nghe tin hai thằng con trai tử trận. Người con lớn chết trong cuộc tấn công đồn Tu Vũ ở Hòa Bình năm 1951 và người con thứ hai tại trận Xóm Phèo. Trước cảnh người đi bê cả cối đá giã giò, chổi cùn giẻ rách, con dao rựa mẻ lưỡi. Ông Tú cũng vội vàng cho cái tráp sơn màu cánh gián đựng gia phả họ Cù vào cái va li bằng da bò móc thếch cùng vài cuốn sách Quốc văn giáo khoa thư và cái bằng sọc-ti-fi-ca lồng kính. Thằng con thứ ba Cù Lại Dзі 14 tuổi rưỡi đội cái nón bê-rê đen, chân đi đôi dép sút quai, người ốm như que củi, mặc chiếc quần soọc nhà binh.

Lâu lâu đứng lại kéo cạp quần lên sợ tuột, rồi vội vàng chạy theo bố mẹ. Nơi đây bao nhiêu người đứng tro trong cảnh mưa phùn gió lạnh chờ tàu: tàu há mồm, người ta chen nhau lao xuống. Rồi mồm tàu khép lại. Quay đầu ra biển. Trên bến chẳng có ai vẫy tay đưa tiễn như bài “Kẻ ở người đi” trong Quốc văn giáo khoa thư lớp đồng ấu đến giờ anh cu Dзі còn nhớ: “... *Thuyền đi đã xa mà tôi còn đứng nhìn trở lại, nhìn mãi cho đến lúc không trông thấy nhà nữa mới thôi. Ôi ! cái cảnh biệt ly sao mà buồn vậy !*”.



Ông bố Cù Lại Dзі vất vả mảy chặng xe. Từ xe ngựa lọc cọc kéo bởi con ngựa già bị thái hồi ở trường đua Phú Thọ thả ra có buộc một túm lông gà xanh đỏ, đến lên xe “con heo” ở bến xe Chợ Lớn chạy ngược về phía Sài Gòn. Tại đây, ông lại ngồi xe xích lô đạp đến đường Nguyễn Bình Khiêm vào Nha Tiểu học xin dạy lại. Hơn tuần sau, ông được phân công về dạy tại trường Xóm Chiếu, Khánh Hội. Cũng may vợ ông đã liên lạc được với mấy người bà con bên Phù Dục. Những người này thoát quê nghèo đói từ cái nạn Ất Dậu 45 lên Hà Nội làm ăn, cơ ngơi buôn bán phát triển giàu có, nên khi

vào Sài Gòn họ lại tiếp tục mua nhà, mở các cửa hàng bán vải, bán lụa trên đường Phan Bội Châu nằm phía cửa đông chợ Bến Thành. Bà giáo đã vay mượn chị em mình mua được một căn nhà vách gỗ, lợp tôn trên đường Tôn Đản. Nói là đường nhưng thực ra số nhà có tới ba cái “sọc”. Những ngôi nhà này được làm trên các con rạch chảy ra kênh Tàu Hủ. Gọi cho chính xác là nhà sàn. Các lối đi vào cũng là đường sàn lát đủ thứ gỗ trên đời. Cứ cách một vài nhà lại có một chiếc “cầu tôm” dùng cho công việc vệ sinh của cả xóm. Khi triều lên, nước từ kênh Tàu Hủ dồn vào, cái bề mặt “phù hoa” cầu Tôm lơ lửng những vỏ dừa, vài chiếc quần đùi, vài miếng si líp đồ xanh quần quít quanh những chiếc cọc được ngả màu tím ngắt. Nước triều rút đi, bùn đen nhão nhoét lại theo từng con lạch âm ỉ chảy dưới gầm những căn nhà sàn.

Người ở lâu “quen hơi, bén ... rễ”. Lúc mới về, ông giáo ngày nào cũng phải liên tục thấp nén nhang thơm trên bàn thờ. Cũng may, ông đi dạy buổi chiều. Buổi sáng nắng chưa cao, các “âm khí” chưa bốc lên theo độ nóng. Vợ ông thì lên chợ bán hàng thuê cho bà chị họ từ sáng sớm. Còn thằng cu Dзі thì giờ đó đã cuốc bộ từ nhà qua cầu Ông Lãnh

đến trường. Trường ấy là trường Nguyễn Trãi phải học nhờ tại trường tiểu học Trương Minh Ký vào buổi trưa. Sau những buổi học ấy, anh cu Dзі không về nhà vì biết bố mẹ đi làm tới chiều nên anh theo bạn lang thang “bát phố”, nào Bonard, Catinat. Qua nhà hát lớn quẹo Lê Thánh Tôn... Ở mỗi rạp hát trên đường đi ấy như Vĩnh Lợi, Lê Lợi, anh thường ghé vào xin những tờ quảng cáo phim sắp chiếu. Anh cu Dзі đem về nhà, nằm coi “phim câm” qua dàn diễn viên, tài tử được tóm tắt ở nội dung câu chuyện. Nhờ cái trường kỳ xin tờ “pô-gam” (Programme) xanh, đỏ, trắng, hồng này nên khi nghe những thằng con nhà giàu như Ân, Loan, Dũng... ngồi với nhau, tán chuyện về phim này, phim nọ mà bọn chúng nó đã coi, anh cu Dзі đã “đế” vào rất chính xác khi được hỏi. Năm lên đệ Tứ, anh được thầy giám thị xếp ngồi chung bàn với một “tên” anh thấy quen mặt mà không biết tên cúng cơm của nó. Lúc đó, anh cu Dзі còn đang loay hoay thì nó đã bảo:

- Mày ở xóm kênh đường Tôn Đản phải không?



- Sao mà biết ? Còn mà có phải ở nhà mặt tiền gần ngã tư queo vào ? Nhà mà bán gạo, bên cạnh có cái tủ đề bán thuốc lào Tiên Lãng ?

- Đúng rồi, mà tên gì ?

- Tao là Dзі, còn mà ?

- Tôn Quyền

- Mà họ hàng với Tôn Ngô Không à ?

- Mà chưa đọc Tam Quốc Chí. Chiều về tao cho mượn, đọc đi rồi sẽ biết tao là ai ?

Từ mẩu đối thoại “ám ó” này mà anh cu Dзі và Tôn Quyền thân nhau. Sáng nào đi học cũng ra nhà bạn để được bạn đèo đi tránh được cái nắng trưa như thiêu đốt. Song có cái sướng cũng có cái khổ. Nghĩa là tới chân dốc cầu Ông Lãnh là nó hô: “nhảy xuống ! đẩy đi ! đẩy đi”, còn nó vẫn ngồi trên xe. Đến giữa cầu, nó lại hô: “nhảy lên, nhảy lên”. Nhiều khi anh cu Dзі vội vàng nắm lưng áo nó nhảy phóc lên bị đập... đau điếng nín thở.

Năm lên đệ nhị cấp cũng lại học nhờ. Đường xa xôi hơn trường cũ, anh cu Dзі cũng vẫn nhờ Tôn Quyền cho ngồi đằng sau, cũng vẫn “nhảy xuống”, “đẩy đi”, “nhảy lên” như một thông lệ, kể cả ngày

nắng ngày mưa, suốt 4 năm trời của hai thằng học trò di cư sống ven kênh Tàu Hũ. Đầu năm sau, anh cu Dзі được Tôn Quyền bảo:

- Mày kiếm “xé” mà đi. Tao đi Thủ Đức. Mấy năm sau gặp lại. Tôn Quyền đã có tên khác rất đáng yêu: “Quyền thuốc lào”, sức danh này không phải là nhà nó có cái tủ nhỏ bán thuốc lào Tiên Lãng mà do nó hút thuốc lá nhiều quá, chất nicotine bám vàng cả răng như mấy người hút thuốc lào.



Ngày 23 tháng Chạp năm Tân Hợi, cụ giáo Cù Đại Dũng mất. Đến chia buồn và đưa đám quanh đi quần lại chỉ có bà con bên chi họ Lại ở Phù Dục và chi cụ Cử ở Tiền Hải. Anh cu Dзі mặc sô tang bê bát nhang, bên cạnh có những người bạn thân như LQA, PĐS, PHĐ, NTC, NTD đi kèm. Cảm động nhất là người cùng cư ngụ xóm Kênh, quan tài cụ giáo đi tới đâu là người trong xóm ra đưa tới đó. Đến mặt đường Tôn Đản, chiếc xe tang con heo, sơn màu đen đã chờ sẵn. Bà giáo và anh cu Dзі bò sát mặt đường, vái lạy người đưa rồi leo lên xe. Chiếc xe lăn chậm chạp trên con đường hẹp xóm

kênh Tôn Đản rồi qua cầu Calmette chạy về đường Lê Văn Duyệt đến nghĩa địa Đô Thành. Nơi đây cụ giáo chẳng được yên nghỉ giấc ngàn thu ...

Trên chiếc bàn nhỏ, kê gian bên trái bày linh vị cụ Cù Đại Dzũng. Hai ngọn đèn cây đồ cháy leo lét. Khói hương bay lượn trước tấm hình lòng kính. Ngày cũng như đêm, bà giáo thường chấp tay trước bàn thờ chồng khấn vái: “Ông sống khôn thác thiêng, nhớ đi tìm hai con phù hộ cho mẹ con tôi”. Rồi bà nâng vạt áo lên lau nước mắt. Bốn mươi chín ngày cúng cơm ông giáo là bốn mươi chín lần nước mắt của người vợ thương chồng, người mẹ nhớ con chảy xót xa.

Cũng từ đây, sau cái chết của cụ Cù Đại Dững, gia phả họ Cù quê Thái Thụy, Thái Bình đời thứ 12 đã truyền cho con là Cù Lại Dзі đời thứ 13 kể từ Thượng tổ Trần Vô Vọng.



Cù Lại Dзі trân trọng bê chiếc tráp màu cánh gián để trước bát nhang bàn thờ tổ xuống. Anh mở nắp, lấy ra cuốn gia phả đánh dấu số 12 tức là đời bố anh vừa mất để ghi tiếp. Anh ghi theo lối vừa nhật ký, vừa hồi ký xen lẫn những cảm xúc suy nghĩ

của mình. Tránh lối khô khan như “Việc hàng ngày” của Đoàn Thêm hay kiểu biên niên sử của đồng môn Dương Kiên CVA59. Ở phần thân thể, Cù Lại Dзі viết: mở đầu:

*Văn Lang Quốc ngày .... tháng ..... năm ....*

Tôi không phải là con trưởng của bố mẹ tôi. Tôi là thứ ba. Hai anh tôi nghe đâu đã tham gia đoàn quân vệ quốc từ sau trận đỏi 45. Bố tôi họ Cù quê ở huyện Thái Thụy, mẹ tôi họ Lại quê ở Phù Dực, Thái Bình. Tôi sinh ra ở Tảo Môn thuộc Tổng Cao Đà, huyện Nam Xương, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Nơi ấy là nơi bố tôi ngồi dạy học. Bố mẹ tôi dẫn tôi đi về phía Nam nước Văn Lang năm tôi 14 tuổi. Họ nhà tôi không có ai ở nơi này, ngoại trừ bên ngoại mẹ tôi. Ngày tôi đi học có một anh bạn họ Lại, nhưng tôi và nó tuổi còn con nít, biết gì mà tìm họ, tìm hàng như người lớn. Tôi không có anh em nên nhiều khi thấy mình cô quạnh quá. Thường buổi chiều, nắng đã xuống bên kia thành phố ! Tôi theo bọn trẻ ở xóm kênh cũng trạc tuổi tôi ra tận bãi đất trồng cuối ấp, nơi ghe thuyền đậu, nhảy xuống tắm sông. Lâu lâu cũng bắt chước bạn, lặn tới các ghe chát trái cây rồi nhô lên, núp ở cạnh ghe, thò tay ăn cắp trái cam, trái xoài. Những

“chiến lợi phẩm” này đều phải đem lên bờ đường nộp cho thằng Tư Nốp. Tư Nốp năm ấy đã 17 tuổi, trên bờ vai gồ lên nó xăm trái tim có một mũi tên bắn xuyên qua. Sau này Tư Nốp đến tuổi bị đi quân dịch, chúng tôi cũng tan hàng...

*Văn Lang Quốc ngày .... tháng ..... năm ....*

Bố tôi bị lao phổi nằm chữa ở bệnh viện lao trên đường Nguyễn Kim nổi dài, bệnh không thuyên giảm. Đến khi nặng quá họ cho về. Vài tháng sau thì bố tôi chết. Cảnh nhà khó khăn, mẹ tôi phải đi vay mượn bên các bác, các dì để lo ma chay cho bố tôi. Điều làm tôi cảm động nhất và có lẽ là cái ơn mà tôi luôn giữ ở trong lòng đối với bà con xóm kênh Tôn Đản, ấy là suốt 2 ngày đêm quan tài bố tôi chưa ra khỏi nhà thì hầu như đầu trên xóm dưới họ đều chân thành đến viếng bố tôi. Người thì thê nhang, người thì vài trái cây, bằng tất cả niềm yêu thương đối với mẹ tôi. Các thằng bạn trong xóm lau bàn, rót nước tiếp khách. Rồi lại còn các bác, các anh lớn tuổi lập ban cải lương tự phát. Tiếng đờn ca bay trong sương lạnh, ngâm ngùi theo dòng nước trên kênh Tàu Hủ chảy ra sông lớn Sài Gòn chắc vong linh bố tôi vẫn còn thao thức lắng nghe, cảm tạ những con người mà xưa nay khi nói

đến cư dân Khánh Hội là người ta đã có những nghi hoặc hay sợ hãi ....

Năm ấy tôi cũng trượt tú tài, học lại trường cũ. Các bạn tôi phần lớn đã lên đại học. Đôi khi gặp nhau nó hỏi tôi theo Y hay Luật ? Tôi bảo: “Tao mền trường, yêu thầy nên không học ở đâu cả” và biến tấu câu thơ: “*Khấp như thiếu nữ vu quy nhật. Tiểu tỵ ông đây lạc đệ thì*”. Tôi nói dòng ông nội tôi, năm sau thi lại. Đậu khóa 2, vào văn đáp, suýt rớt.

Mẹ tôi cũng không lên bán hàng, làm thuê cho bác tôi ở cửa hàng đường Phan Bội Châu nữa. Mẹ tôi hàng ngày ra chợ Xóm Chiếu buôn bán lật vặt. Mẹ tôi cũng đã ngót 60 tuổi rồi, mái tóc bạc hơn nửa đỉnh đầu. Từ ngày bố tôi mất, tôi thấy mẹ tôi già nhanh quá... mà tôi thì thi vào trường chuyên nghiệp nào cũng trượt cả. Tôi bèn vác cái bằng “nửa mùa nửa đoạn” đi đến các trường tư xin dạy. Các vị Hiệu trưởng ở các trường chỉ dạy học sinh từ lớp đệ thất đến đệ tứ như trường Tân Dân ở Tân Định, trường Kiến Thiết ở hẻm Phan Đình Phùng... Khi ngó tới cái bằng đậu kỳ 2 lại xếp hạng thứ của tôi thì hầu như họ đều có một giọng lịch sự giống nhau: “Hiện nay trường đã đủ GS nhưng có

thể mở lớp thêm, chúng tôi xin mời thầy đến giúp. Và nói vị thư ký ghi địa chỉ của tôi để gửi thư liên lạc”, nhưng chẳng bao giờ có thư mời nào cả.

*Văn Lang Quốc ngày .... tháng ..... năm ....*

Mẹ tôi lúc này cứ nay đau mai yếu, kinh tế gia đình có phần bi đát. Tôi thì chẳng kiếm ra việc làm, cứ lông bông ghi danh cả Luật khoa lẫn Văn khoa. Chẳng đâu vào đâu. Ở Luật thì học “Luật cà phê” con Rùa. Ở Văn khoa thì học “Văn chương bát phở”, lang thang như một kẻ nhàn du. Có chút tiền mẹ cho bảo “ăn cho đỡ đói lòng mà học” thì ghé vào La Pagode phì phèo điều thuốc lá Basto xanh ra điều ta sành sỏi...

Nhưng rồi cùng tắc biến, biến tắc thông. Tôi thi vào Sở Vệ sinh Đô Thành hay còn gọi là Sở rác, nằm trên đường Hiền vương, xé góc nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi. Ấy cũng là nhờ đậu cái chứng chỉ “xã hội học” khá cao. Tôi tán ra, tán vào, vẽ rồng, vẽ rắn cho bài thi có chủ đề, đại khái tìm giải pháp cho sự văn minh của một thành phố.

Tôi bắt đầu thành anh công chức với lương cán sự tập sự, sau lên chính ngạch.

Có ăn rồi, tôi lại đến Văn khoa lấy cours về, đêm đêm “soi” chữ. Có năm đậu một, có năm đậu hai, lại cũng có năm tay trắng. Nhưng rồi cũng xong, người ta 3 năm thành Cử, mình lẹt đẹt 4, 5 năm cũng thành Cử. Cử trước, Cử sau cũng là Cử cả. Vênh vang quái gì, chẳng qua cũng chỉ là cái cần câu com mà sóng thế thôi.

Một hôm mẹ tôi bảo: Đại đấng khoa rồi thì tiểu đấng khoa thôi. Có con nhỏ bán chạp phố ở chợ, trông được lắm. Nó lễ phép và dịu dàng. Hôm nào con đi với mẹ coi xem sao, nếu được thì mẹ nhờ mai mối cưới cho. Nhà mình bây giờ cũng neo đơn lắm, nhà nghèo thì lựa vai vế vừa với mình, chứ cảnh “đũa mốc mà trèo mâm son” thì sau này chẳng ra gì con ạ.

*Văn Lang Quốc ngày .... tháng ..... năm ....*

Một buổi sáng, trời ương ương tai tái chẳng đẹp gì, tôi theo mẹ đi coi mắt vợ tương lai. Gia đình cô ta ở Trà Vinh trong một Phum Sóc, người Miên nhiều hơn người Việt. Chạy chiến tranh lên buôn bán ở đây sống qua ngày. Hiện cư ngụ trong hẻm đường Tôn Thất Thuyết, uốn lượn vòng vèo, sâu



thăm thăm rồi cũng ra sát kênh Tàu Hủ. Thế là hai nhà “môn đăng hộ đối” rồi còn gì !

Hôm tôi lấy vợ, bà con xóm kênh Tôn Đản đi hầu hết, mấy thằng bạn tám sông, trộm vặt trái cây ngày ấy chỉ còn có hai ba thằng. Hầu hết đi quân dịch cả rồi, tôi nhờ là con “độc đỉnh” nên được miễn vĩnh viễn. Vợ tôi chắc chẳng bao giờ như người chinh phụ nhớ thương chồng. “Chàng thì đi cõi xa mưa gió, thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn” ... Tôi có ý tưởng cầu an chưa dám nghĩ tới chữ hèn là sống đến già bên vợ.

Khi nghĩ tới tác phẩm này tôi lại nhớ tới thầy Nguyễn Như Cương dạy lớp tôi năm đệ ngũ. Tôi mê mẩn trong lời giảng và thầy tôi cũng như lên đồng với từng nhân vật, đến nỗi thầy cũng chẳng để ý gì tới bọt mép và điều thuốc Basto của thầy tắt ngấm tự bao giờ. Sau này tôi mơ đi dạy học là vậy. Nhưng “mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên”. Tôi lại thành anh công chức Sở rác Đô Thành, văn chương không thể để cho những thằng như tôi làm ô uế được.

Trong ngày vui của tôi cũng có các ông bạn tàu bay, tàu bò, lội nước... Những ông bạn “thần

sâu” nghịch như quỷ thời chúng tôi học cùng nhau. Chỉ tiếc rằng vắng Quyền thuốc lào, thằng bạn đã mấy năm trời chờ tôi lên đèo xuống dốc cầu Ông Lãnh... Đến giờ nhớ tới còn đau... Quyền thuốc lào đang mịt mờ sỏi đá ở cao nguyên.

*Văn Lang Quốc ngày .... tháng ..... năm ....*

Có lẽ đúng như câu “Sống lâu lên lão làng”. Tôi được thăng chức Trưởng phòng phụ trách việc thu gom rác trong Đô Thành. Cái may, cái rủi cũng xen nhau, đây là mẹ tôi lại mất. Năm nay mẹ tôi đã 70 tuổi rồi, xem ra đã là thọ. Chỉ tiếc rằng nỗi mong mỏi của mẹ tôi sớm có cháu nội để vui tuổi già thì mãi vợ tôi chẳng có tin mừng. Thế là trên bàn thờ nhà tôi lại có thêm bát nhang để cạnh bố tôi. Nhiều lúc nghĩ tới cái gia phả họ Cù nhà tôi, tôi cũng dị đoan, giật mình tự hỏi: “Chẳng lẽ cái ân, cái oán xa xưa còn lẻo đẹo theo nhau, thù diệt nhau mãi mãi hay sao?”.

*Văn Lang Quốc ngày .... tháng ..... năm ....*

Mới lên giường, vợ tôi đã ôm tôi và thì thầm: Em có thai rồi. Tôi vội vàng sờ bụng vợ, nhưng chẳng thấy có hiện tượng gì, vợ tôi như biết ý, bảo tôi: Tháng này em tắt kinh rồi. À ra thế !

Nhờ có ông Vương méo làm ở Tổng cục Gia cư tôi được mua căn nhà trả góp ở Lô C chung cư Áo Anh. Thế là sau 14 năm sống ở xóm kênh Tàu Hủ, tôi đã bỏ lại bao kỷ niệm yêu thương gắn bó để ra đi. Nơi ấy dù chỉ là xóm nhà tranh vách ván, bùn lầy hôi hám suốt ngày đêm, song đầy ấp tình người. Hình như có một chân lý: con người ta càng khôn khó, càng nguy hiểm thì họ sống với nhau càng gắn bó, chân thành và hy sinh cho nhau hơn.

Giã từ xóm kênh Tôn Đản, giã từ con đường hàng ngày đi qua nhà Quyền thuốc Lào, tôi hỏi tôi: Có duyên kiếp không mà ? và tôi ứa nước mắt.

*Văn Lang Quốc ngày .... tháng ..... năm ....*

Buổi chiều vừa đi làm về thì vợ tôi đau bụng đẻ. Tôi vội vàng chở vào Từ Dũ. Xong thủ tục nơi đây, tôi chạy sang Khánh Hội đón má vợ tôi đi thẳng vào nhà thương, nhưng vừa tới chỗ phòng sinh thì cô y tá đã tươi cười chạy ra báo: “Mừng anh có con trai”. Bà má vợ tôi cũng cười tiếp lời cô: nó đẻ như gà, chứ ngày tôi sinh nó, nó gan lì hết một ngày hành tôi, rồi mới chịu chui ra. Còn tôi, tôi thích quá. Tôi quyết định đặt tên cho nó là

thằng Cù Lại Thích, nó là cháu đích tôn chi mười bốn của dòng họ Cù Lại nhà tôi.

*Văn Lang Quốc ngày .... tháng ..... năm ....*

Thằng cu Thích vừa tròn 3 tuổi thì tang thương lại đổ xuống nhà tôi. Hôm nay vợ tôi đi sanh đứa thứ hai cũng giờ này, cũng nhà thương này mà than ôi ! Vợ tôi không đẻ nhanh như gà nữa, hai mẹ con em đã bỏ thằng cu Thích, bỏ lại anh trong cảnh gà trống nuôi con. Cái oan cừ của dòng họ Cù nhà anh tưởng đã mở rồi, ai ngờ đến đời anh nó lại vẫn thất, nó thất quá bạo tàn ! Bạo tàn quá em ơi !.

Tôi gửi cu Thích về bên má vợ. Tôi 14, 15 tuổi lớn lên bên ngôi nhà sàn trên kênh Tàu Hủ, con tôi 3 tuổi rồi cũng lớn lên những ngày thơ ấu ở dòng kênh này, khác chẳng chỉ là tên đường chẳng chật hẹp. Tôi, xưa trong xóm kênh đường Tôn Đản. Nó, nay trong xóm kênh đường Tôn Thất Thuyết. Hai bố con đều từ dòng kênh lúc trong lúc đục trôi lên. Tôi may mắn đậu xam đậu xiếc, có mảnh bằng lên được chức Chánh sự vụ (Trưởng phòng) Sở rác. Còn con tôi, nếu chẳng may tôi chết sớm như mẹ

nó thì tương lai sẽ về đâu ? về đâu ? Hay lại nối nghiệp cụ tổ đời thứ 7 nhà mình.

*Văn Lang Quốc ngày .... tháng ..... năm ....*

Chiều qua tôi đã đưa giấy tờ như văn tự nhà cửa ở chung cư Áo Ảnh cũng như các giấy tờ cá nhân đựng tất cả trong chiếc tráp đựng gia phả sang bên nhà vợ. Sau đó tôi tạt qua nhà ông khu phố trưởng báo cho ông biết là tôi khóa nhà, nhờ ông trông coi hộ, vì tôi không có ai ở nhà cả. Vốn là chỗ quen biết do con ông là nhân viên trong Sở rác cùng chỗ tôi làm. Ông khu trưởng vui vẻ nhận lời và lúc chia tay, ông nắm chặt tay tôi bảo:

- Mong ông Chánh học tập về sớm.

Tôi mỉm cười bảo ông:

- Giờ còn “chánh, phó” gì nữa, tôi đi học ăn hết số tiền Ban Quân quản quy định là về chứ nhà nước làm gì mà có để nuôi kẻ báo cô.

Và thế là tôi đi.

Hai năm sau tôi được trở về với các tiêu chí ghi ở mặt sau giấy xuất trại phải thi hành để được sớm trả quyền công dân.

*Văn Lang Quốc ngày .... tháng ..... năm ....*

Với số tiền tàu xe của trại cho, tôi nhảy lên xe xích lô. Tới trước cửa nhà định mở khóa để vào tắm rửa sạch sẽ rồi mới sang với con tôi, nhưng nhà tôi đã có người ở. Đó là một cặp vợ chồng son người Bắc. Họ cho biết đang là công nhân viên và được địa phương cho ở tạm chờ phân công nhà sau. Sau này tôi mới biết họ chẳng phải là người làm việc cho địa phương. Họ đi buôn hàng chuyển, nhờ có bà con với bên an ninh phường nên họ được vào ở thế thôi. Sau đó căn nhà được ngăn đôi, họ đòi ở phía trước, tôi nghĩ cũng chẳng sao. Miễn là giờ còn có chỗ để đi về và quan trọng nhất là kiếm được việc làm.

Tuần sau tôi đưa má vợ và thằng cu Thích về, còn tôi lang thang cầu bơ cầu bất kiếm chỗ làm. Đến chỗ mấy người quen cũ ở Sở rác thăm dò thì được biết cái thứ chức vụ như tôi người ta không bao giờ xài nữa. May ra có một số tài xế và công nhân xúc rác về quê sinh sống nghỉ việc thì có thể xin vào làm ở chỗ trống đó. Tôi không biết lái xe. Còn xúc rác thì là việc quá dễ. Nhưng đơn xin việc đều phải được địa phương xác nhận nhân thân. Tôi đem đi xin chứng thì họ trả lời là tôi chưa được trả

quyền công dân, nên không thể giải quyết. Thế là cái mộng đi hốt rác của tôi tiêu tan.

Một hôm má vợ tôi bảo: “Chắc má phải về Khánh Hội đi cầu tẩm thôi con ạ”, tôi vừa cười, vừa hỏi:

- Sao vậy má ?

Bà nghiêm túc trả lời:

- Con đi sớm không biết gì cả, cái vợ chồng nhà này chắc muốn đuổi bà cháu tôi ra khỏi đây. Cơ khổ, sáng nào cũng như sáng nào họ cũng chiếm giữ cái cầu tiêu, cứ vợ sắp ra thì lại báo hiệu cho chồng vào. Nhiều sáng bà con tôi “vãi cả ra quần”.

Sáng hôm sau tôi ở nhà xem sự thể ra sao, thì đúng như lời bà cụ thuật, người ta đói thì còn có thể nhịn được, nhưng đại tiểu tiện thì thua, cái kế hạ sách bản thiú ấy quả nhiên họ thành công. Mẹ vợ tôi đưa con tôi đi về xóm kênh Tôn Thất Thuyết, Tôi đang cần tiền mua cái xích lô để kiếm cơm, thế nên khi họ bảo tôi bán lại nhà cho họ với giá cây rưỡi vàng là tôi chịu ngay. Thời buổi ấy căn nhà của ông bạn tôi ở hẻm tiệm giò chả Thanh Hương đường Phan Đình Phùng đi vào, nhà gạch, gác lửng

mà cũng chỉ có hai cây. Thế là tôi sang lại cái gầm cầu thang lô D chung cư Áo Ảnh và một cái xích lô còn tương đối tốt khi họ trả trước cho tôi 5 chỉ. Phần còn lại họ viết tay giấy nợ hẹn trả sau. Tôi làm giấy bán nhà và trao văn tự cho họ.

Đầu năm sau, theo giấy nợ ghi ngày trả, tôi lên lấy thì căn nhà của tôi đã có chủ khác, tôi bàng hoàng, hỏi người chủ bán nhà thì được biết cùng là dân buôn đường dài Bắc Nam thấy bảo bán nhà thì mua, toàn là giấy tay cả, mà cũng chẳng ai để ý tới giấy tờ tùy thân của ai. Bởi chưa có luật mua bán nhà lúc này. Thế là tôi mất trắng số tiền còn lại. Tôi an ủi tôi: cuộc đời là phù du, tiền tài danh vọng cũng là vật ngoại thân mà thôi, nhưng tôi vẫn tiếc ngẩn ngơ mất cả tuần, nhiều khi đạp xe suýt leo cả lên lề đường.

Rồi má vợ tôi chết, thằng cu Thích ban ngày theo bọn trẻ lang thang đi lượm ve chai, tắm sông, hái trộm me dọc lề đường Hoàng Diệu. Nó chẳng được học hành vì không có sổ hộ khẩu tại địa phương nên theo lớp phổ cập ở tổ dân phố học buổi tối. Kiểu bình dân học vụ xưa của cụ Chấn lùn. Thấy cảnh con như thế, tôi xin đem cháu về ở với tôi.



Hôm sau tôi đạp xe lên gặp ông PTS bạn học thân thiết, trải qua 8 năm học tập, giờ về bơm mực bút bi (bic) bên lề đường trước cửa rạp xi nê Văn Hoa. Gặp nhau, ông lấy miếng giẻ cũng nhem nhuốc mực như tay ông, lau sơ sơ, rồi bắt tay, rồi toét miệng cười hỏi:

- Mà y chở khách lên Tân Định à ?

Tôi trả lời:

- Khách khứa gì đâu, lên mà y để mua viết cho con tao học.

- Nó học lớp mấy rồi ?

- Mười sáu tuổi chưa xong lớp 4 !

- Mà y cũng cử nọ cử kia sao để con vậy ? Thôi cầm 4 cây về, hết mực lại lên tao bơm tiếp cho.

- Bao nhiêu ?

- Bao nhiêu thì đi đi, đừng bao giờ gặp tao nữa.

*Văn Lang Quốc ngày .... tháng ..... năm ....*

Thời gian cắm mốc lên đời ta. Nó báo cho ta từng phân khúc và khúc cuối cùng là tới bến Nại Hà ăn cháo lú. Chén cháo thơm ngon cho ta quên

hết đau khổ, thù hằn, âm mưu đê tiện ... mà chỉ trong một sát-na ta đã từ nhớ sang quên.

Tôi là ai nhi ? Tôi là Cù Lại Dзі chứ ai. Tôi hơn 70 rồi, mấy tháng nay khớp chân tôi như muốn long ra. Thằng con tôi, cái thằng Cù Lại Thích của tôi nay đã 18, trình độ học vấn của nó là lớp 5 do công tôi đào tạo, đã thay tôi, nối nghiệp nhà.

Nhờ bóp mấy chai dầu gió quốc doanh mà hai ống chân tôi đã đỡ.

Tôi nhìn cái tráp màu cánh gián bong sơn loang lổ, chợt nhớ tới một xấp văn bằng của tôi vẫn được bố tôi cất trong đó. Ôi thôi, cả một đời vất vả, đánh vật với chữ nghĩa, song cũng có một thời nhờ nó mà mặt mũi có lẽ cũng vênh váo, nhưng nay chỉ là một mớ giấy lộn. Đâu như bố tôi xưa chỉ đậu có cái bằng tiểu học mà ông nội tôi bắt lồng kính treo giữa nhà gọi là để cho con cháu noi gương.

Tôi sang quán bà Ba mua một nải chuối về làm lễ đốt bằng. Ba nén nhang cắm, khói bay trong ánh chiều tà. Tàn nhang rơi loáng thoáng trên chén nước trà. Tôi khấn trong ảo ảnh, cảm ơn bố mẹ tôi nuôi tôi cho đi học, cảm ơn công lao của các

thầy cô đã cho tôi chữ nghĩa bước vào nửa cuộc đời tôi.

Mấy người quen trong xóm đi qua vội vã, cũng cố dừng bước hỏi:

- Hôm nay cụ Dзі cúng cô hồn hả ?

Rồi đi. Tôi trả lời với theo:

- Dạ, bệnh quá cúng cầu an.

Khi nhang cháy gần tàn, tôi lấy bằng tiểu học, cái tấm bằng mà tôi làm bài cú cho vài vóc vào bụng là học giỏi. Ai ngờ cũng “đậu xâm”. Rồi lại còn vào đệ thất trường công năm “oai phong” trên bảng chính. Trong khi thằng Khánh, bạn đánh cù ở lớp nhất với tôi học giỏi đủ các môn mà lại nằm trong bảng phụ. Tờ giấy mỏng cháy vèo vì chỉ nhỏ bằng bàn tay. Nay đây là bằng Trung học, tôi thi ở trung tâm Gia Long đậu ngay khóa 1. Đến khóa 2 thì tôi đi thi hộ, nên dấu ấn đậm đà hơn trong những kỷ niệm khó quên. Đó là khi ông bạn tôi đã có tên trên “loa” xướng danh, ông ấy bèn kéo bọn tôi ra uống nước mía Viễn Đông và ăn bò khô đu đủ. Đêm ấy tôi về thường trực bên cầu tống.

Sau này nghe tin người bạn ấy lưu lạc trời tây. Cũng chẳng có tin tức gì, thoảng trong gió chiều, chút tàn tro bay vào mắt tôi hay đời học sinh vô tư, sống thật chân tình khiến đôi mắt tôi đượm chút cay cay!?

Tro tàn, lửa tắt, tôi bật diêm châm “hai ông tú” yêu trường, mến thầy nên không nỡ bỏ đi ? Hai tờ giấy, ngọn lửa liếm quanh xoắn xuýt vào nhau. Hình như nó đang nhắc nhở tôi cái phù hiệu in trên tấm thẻ học sinh mà đời người nhiều khi vô tình trở thành kẻ phản phúc.

Tôi buông tay thả “hai ông tú” cháy chỉ còn cái mép giấy trắng trơn. Mà đã cúng thì phải vái, theo quán tính tôi cũng làm thế. Tôi trả 2 ông về nơi non bồng nước nhược.

Vừa lúc ấy, anh cu Thích dắt xe về, máy nổ âm âm. Cái xe loại máy Sachs, Goebel bây giờ người ta chế ra lắp vào xe ba bánh để chở hàng hóa. Nó ghéch xe lên vỉa hè rất khéo, chỉ cách chỗ tôi đang làm lễ đốt bằng, cỡ gang tay. Rồi hỏi tôi:

- Bố cúng cô hồn hả bố ? con có tin vui muốn thưa với bố.

Tôi ừ hử cho qua.

Nhìn ba nén nhang chỉ còn cỡ đốt ngón tay là hết, nên tôi vội vàng lấy hết xấp giấy còn lại. Trên cùng là một tờ dấu son đỏ chói mà vị tiên sư râu tóc bạc phơ, đầy vẻ tiên phong đạo cốt bảo tôi rằng: “Ta khen con chơi nhiều mà vẫn cố học chữ thánh hiền, nay đã đi tới gặp được ta, ta trao cho con tấm bằng này làm phương tiện kiếm cơm...”. Tôi cầm cái lá bùa hộ mệnh ấy ra về lòng phơi phới như ngày ấy tôi đã viết bài đoản thiên tùy bút Văn khoa gửi cho ông bạn đánh cá bằng thuyền thúng mà chân tay đẽ sò, bắt hén bị đầy sẹo.

Bây giờ thì tôi đốt ... tạ bậc tiên sư, tôi đốt luôn bốn, năm ông làm tôi trầy da, suốt vẩy lần mò mãi mới tới chốn... rùng rờ. Vái thiên vái địa xong tôi định xách nải chuối vào nhà chột thấy còn một tờ ... hóa ra là tờ giấy khen “Gia đình văn hóa” bỏ lẫn trong đống tráp tự bao giờ. Tôi ở gầm cầu, vách tường thấp lè tè, lại trắng đen nham nhở, không có chỗ trang trọng để treo, nên nó nằm gập ba gập bốn cũng ngót 10 năm. Màu ngả úa vàng, vậy thì ... tôi cũng “hóa vàng” luôn. Lễ đốt bằng cũng là lễ đốt đời tôi. Than ôi, đời tôi như một giấc hoang tưởng.

Thế rồi, tôi chống tay đứng dậy, đầu gối như muốn long ra. Bữa cơm cà pháo, mắm tôm nồng nặc. Thằng cu Thích nuốt xong miếng cơm, nó nhìn tôi bảo:

- Bố cho con lấy vợ nhé.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Lấy vợ ? Vợ chứ đâu phải như mớ rau, con cá ngoài đường, cứ nhặt về là được.

- Thì con nhặt cô ta bán cá bên đường mà.

Tôi nhìn nó, lòng chua xót. Con tôi ít học, nên nó không hiểu được nghĩa của chữ nhặt, nó hồn nhiên trả lời tôi cũng vì thế.

Rồi nó vừa dọn chén đĩa, vừa cười hỏi tôi:

- Bố “nhất trí” nghe bố ?

- Nhưng lấy về rồi thì ở đâu ?

- Thì con đóng đình lấy miếng bố che làm hai phòng, bố ở ngoài, vợ chồng con ở trong.

- Năm thế thì tội, cách cầu vệ sinh có nửa bước chân...

- Bố đừng lo, cô ta bảo con suốt ngày bán cá bán tôm, cá chết tôm ươn, mùi xông lên còn hơn

nước công, ở bầu thì tròn, ở ống thì dài, bố đừng lo.  
Rồi nó ngập ngừng bảo tôi:

- Quan trọng là ....

Nó ngưng, nhoèn miệng cười, tôi hỏi:

- Là gì ?

- Ấy là con dặn bố. Ban đêm bố có đi tiểu thì bố ho lên cho con biết... vì con ngủ say lăn ra lối đi. Bố vấp vào con thì lại cái chân đang đau, sợ bị gãy khô bố ạ.

Thế là tháng sau, tôi nhờ ông Tư bên cạnh đi làm chủ hôn, cưới vợ cho thằng cu Thích nhà tôi.

*Văn Lang Quốc ngày .... tháng ..... năm ....*

Theo lịch vạn niên, năm nay tôi đã 82 rồi. Đi đứng phải chống gậy, cái chân cà nhắc như “thằng ăn mày”, nhất là xương sống như cây tre non uốn cong mỗi lần có cơn gió thổi qua. Hôm thằng cu Thích đưa vợ nó đi đẽ, nó bảo tôi: Bố ở nhà mở sách “tiền nhân” (!) ra đặt tên cho cháu nội của bố. Con đi đây. Thế là xe ba bánh nổ máy ầm ầm. Vợ nó ôm bị quần áo, vịn tay hai bên cho chắc.

Nửa đêm, nghe tiếng xe gầm rú xa xa vào chung cư Áo Ảnh, tôi biết nó về. Nó vừa đẩy xe lên vừa nói oang oang:

- Thằng cu bố ạ, bố đặt tên cho cháu chưa ?

Tôi bảo:

- Con là Cù Lại Thích, bố cứ theo vắn mà đặt. Cháu nội của bố là Cù Lại Thôi nghe con. Ấy cái gì ham thích thái quá đều có hại, phải biết dừng lại.

Tôi cũng không ngờ đặt tên cho con, cho cháu lại đi vào cái đạo Trung dung của Không giáo: không thái quá và cũng không bất cập.

\*  
\*   \*

## **PHẦN NGOẠI TRUYỆN**

Sau khi ăn chén cháo dở dang, cụ Cù Lại Dзі nằm kê đầu trên chiếc tráp, mắt lim dim. Hồn mơ màng quay về chôn cũ. Cụ thấy mình đang ngồi trên chiếc ghe buồm, trôi phăng phăng trên dòng sông Trà Lý. Rồi ghe cập bến sông huyện Thái Thụy. Cù Lại Dзі thong thả bước lên bờ, đi qua xóm chợ. Lúc ấy, gió chiều đã mạnh, những cành đa uốn lượn vào nhau tạo thành âm thanh rì rầm như lời



kinh nguyện. Qua con dốc này, Cù Lại Dзі đứng trên đê đã nhìn thấy nhà xưa. Và như có ai đằng sau đẩy bước chân đi, nháy mắt đã đứng ngay gian nhà chính, trong sâu thẳm, bày bàn thờ tổ, lờ mờ ánh sáng. Chợt nắm nhang thơm cháy bùng lên, Cù Lại Dзі bỗng thấy trên ngai thờ, một cụ già tướng mạo phương phi, để đơn đao lại, rồi bước xuống. Cụ cười trong tiếng nói âm vang như chuông rền, đến ôm chặt Cù Lại Dзі vào lòng bảo:

- Ta là Trần Vô Vọng, liệt tổ, liệt tôn đời thứ 8 của cháu đây. Hai thằng anh của cháu cũng đã về sum họp từ lâu rồi. Thôi mau thay quần áo rồi cùng ta lên đường ra chôn duyệt quân kéo muện.

Cùng lúc đó, cụ Cù Lại Dзі ở gằm cầu thang lô D chung cư Áo Ảnh cũng trút hơi thở cuối cùng.

Đêm ấy trời mưa to, nước chảy ngập cả những con đường lớn, tràn vào các con hẻm. Nước lên mấp mé đến nèn. Nhà nào nhà nấy đều cài cửa. Duy chỉ có nhà Cù Lại Thích là tấm liếp được mở toang. Dưới ngọn đèn vàng, cụ Cù Lại Dзі nằm thẳng trên mảnh sạp trái chiếu phía đầu để bát com có cái hột gà luộc chín và bát nhang đã thấp ba

nén. Khói bay nghi ngút, người thân thích chẳng có ai ngồi canh xác, ngoài mấy người bạn của con.

Sáng hôm sau, mưa chỉ còn lất phất nhưng nước ở mặt đường vẫn lênh láng. Rác rưởi nổi lênh bênh trong dòng sông đen kịt vì cống tắc.

Khoảng 8 giờ nhà đò đến khâm liệm và khiêng cụ Cù Lại Dзі ra xe tang, chạy về lò thiêu ngoài xa lộ. Theo sau xe tang ấy là bốn, năm chiếc xe ba gác máy.

Tiếng xe nổ âm âm, người bên phố chung cư Áo Ảnh đứng dưới mái hiên nhìn theo. ■